TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2023
"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đoàn Hồng Vân.

2- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/ TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Tô N, sinh ngày 28/7/1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị B, sinh ngày 01/01/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Tô N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh N và chị Trần Thị B kết hôn với nhau vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 07/9/2022.

Vợ chồng chung sống đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời

sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó chị B bỏ nhà ra đi từ tháng 6/2022 cho đến nay và cũng không có về thăm con. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Khả M, sinh ngày 20/9/2021, hiện cháu đang sống với anh N, nay anh N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh N thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị B Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh N.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Tô N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị B.

Về con chung: Anh yêu cầu nuôi con tên Lê Ngọc Khả M. Không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của anh Lê Tô N xử cho anh Lê Tô N và chị Trần Thị B được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của anh Lê Tô N giao cháu Lê Ngọc Khả M, sinh ngày 20/9/2021 cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên

Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Trần Thị B được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị B.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Lê Tô N và chị Trần Thị B kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 07/9/2022 nên hôn nhân của anh N và chị B là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cải với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì gia đình hai bên cũng không tự hòa giải với nhau được và bản thân chị B cũng không về thăm con.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Tô N xử cho anh Lê Tô N và chị Trần Thị B ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét thấy, yêu cầu của anh Lê Tô N xin được nuôi con tên Lê Ngọc Khả M, sinh ngày 20/9/2021 và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Bởi vì, sau khi chị B ly thân với anh N thì chị B để lại đứa con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và từ đó cho đến nay chị B cũng không đến thăm con và anh N cũng có điều kiện để nuôi con. Từ đó Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của anh N giao cháu Lê Ngọc Khả M cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Anh N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Tô N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Tô N và chị Trần Thị B ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Ngọc Khả M, sinh ngày 20/9/2021 cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh N và chị B có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Tô N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Tô N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008801 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9//2023). Đối với chị B vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm